



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0029385

(51)⁷ B65D 83/08; A47K 7/00; B65D 75/58

(13) B

(21) 1-2017-00284

(22) 17/06/2015

(86) PCT/JP2015/067529 17/06/2015

(87) WO 2015/198953 A1 30/12/2015

(30) 2014-132944 27/06/2014 JP

(45) 25/09/2021 402

(43) 25/04/2017 349A

(73) UNI-CHARM CORPORATION (JP)

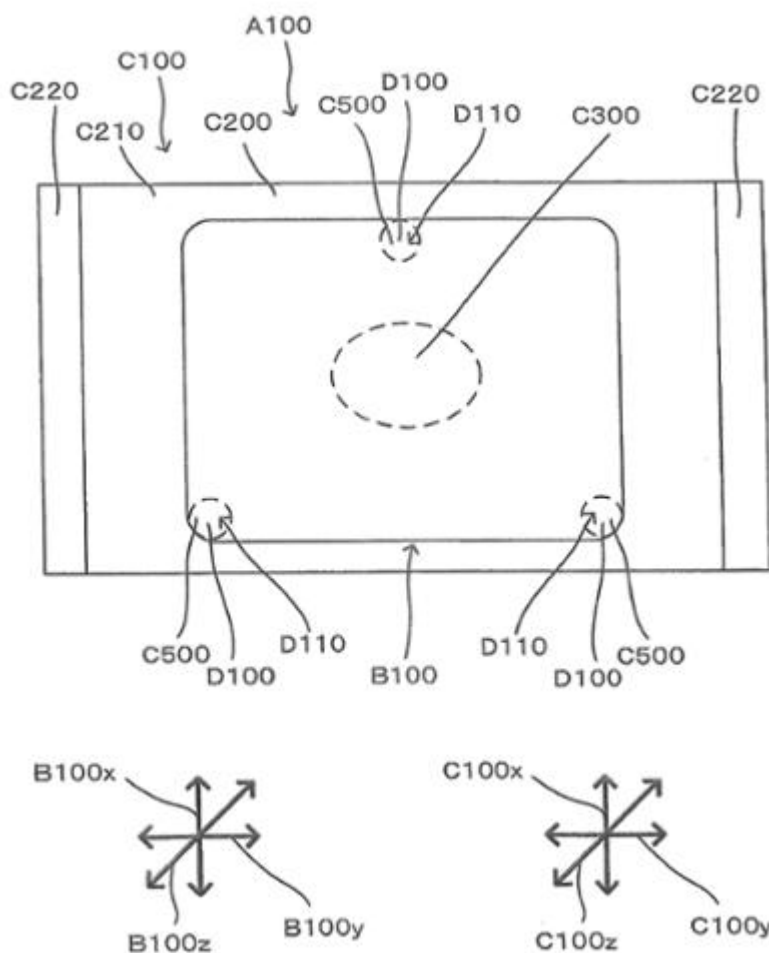
182 Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan

(72) BANDO Takeshi (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) VẬT CHỨA TẮM VÀ BAO GÓI ĐỰNG TẮM

(57) Sáng chế đề xuất kỹ thuật cấu tạo hợp lý hơn liên quan đến vật chứa tắm và bao gói đựng tắm. Vật chứa tắm (C100) mà nắp (B100) được liên kết trên đó và đựng tắm (E100) bao gồm phần đựng (C400) để đựng tắm (E100), lỗ mở của vật chứa (C300) và phần bề mặt (C210). Phần bề mặt (C210) có phần định vị (D100) để định vị đối với nắp (B100).



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến vật chứa tấm dùng cho các tấm bảo quản và đề cập đến bao gói đựng tấm có nắp và vật chứa tấm.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Công bố đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế Nhật Bản số H11-70056 bộc lộ nắp được gắn theo cách có thể tháo được vào vật chứa để đựng các tấm. Nắp và vật chứa có các lỗ mở tương ứng. Tấm được lấy ra ngoài thông qua lỗ mở của vật chứa và lỗ mở của nắp bởi người sử dụng. Khi gắn nắp vào vật chứa, lỗ mở của nắp cần được căn thẳng với lỗ mở của vật chứa.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực kỹ thuật này, không có sự xem xét đến việc căn thẳng như này khi gắn nắp vào vật chứa.

Tài liệu sáng chế

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế Nhật Bản số H11-70056

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Do đó, mục đích của sáng chế là đề xuất kỹ thuật tạo kết cấu hợp lý hơn liên quan đến vật chứa tấm mà nắp được liên kết và liên quan đến bao gói đựng tấm.

Để giải quyết vấn đề được mô tả nêu trên, vật chứa tấm theo sáng chế có nắp được liên kết vào và vật chứa này đựng tấm. Vật chứa tấm kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang giao nhau với hướng dọc, và bao gồm phần đựng dùng để đựng tấm, lỗ mở của vật chứa mà thông qua lỗ mở này tấm được lấy ra khỏi phần đựng, và phần bề mặt nơi mà lỗ mở của vật chứa được tạo ra. Phần bề mặt có phần định vị để định vị đối với nắp.

Trong vật chứa tấm theo sáng chế này, người sử dụng có thể dễ dàng gắn nắp vào vật chứa tấm thông qua phần định vị trên phần bề mặt.

Đối với giải pháp trong vật chứa tấm theo sáng chế, phần định vị có thể có vùng cho phép mà chỉ ra phạm vi cho phép gây ra lỗi khi liên kết nắp vào phần bề mặt.

Trong vật chứa tấm theo khía cạnh này, vùng cho phép chỉ ra phạm vi cho phép lỗi, sao cho người sử dụng có thể định vị nắp đối với phần bề mặt trong khi kiểm tra phạm vi cho phép lỗi bằng mắt thường.

Đối với giải pháp trong vật chứa tấm theo sáng chế, phần định vị có thể được tạo ra bằng cách in trên phần bề mặt. Vùng cho phép có thể được tạo ra bởi phần định vị kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang.

Trong vật chứa tấm theo khía cạnh này, phạm vi in của phần định vị có thể được xác định làm vùng cho phép. Do đó, ví dụ, khi nắp được gắn vào vật chứa tấm và phần định vị được để lộ hoàn toàn ra ngoài, người sử dụng có thể nhận ra rằng nắp không được định vị thích hợp đối với vật chứa tấm.

Đối với giải pháp trong vật chứa tấm theo sáng chế, vùng cho phép có thể được tạo ra bởi vùng quy định của phần bề mặt mà bao gồm phần định vị.

Trong vật chứa tấm theo khía cạnh này, vùng cho phép được tạo ra không chỉ bởi phần định vị, mà còn bởi vùng ngoại biên của phần định vị, sao cho phần định vị có thể được tạo ra nhỏ tương đối. Do đó, kiểu dáng của vật chứa tấm có thể được cải thiện.

Đối với giải pháp về vật chứa tấm theo sáng chế, ba hoặc nhiều phần định vị có thể được bố trí.

Trong vật chứa tấm theo khía cạnh này, nắp có thể được định vị đối với vật chứa tấm tại ba vị trí hoặc nhiều hơn. Do đó, người sử dụng có thể định vị nắp hợp lý hơn và dễ dàng hơn đối với vật chứa tấm.

Để giải quyết vấn đề được mô tả nêu trên, bao gói đựng tấm theo sáng chế được đề xuất có nắp và vật chứa tấm mà nắp này được liên kết vào và vật chứa này đựng tấm.

Vật chứa tấm kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang giao nhau với hướng dọc, và bao gồm phần đựng để đựng tấm, lỗ mở của vật chứa mà thông qua lỗ mở này tấm được lấy ra khỏi phần đựng, và phần bề mặt nơi mà lỗ mở của vật chứa được tạo ra. Phần bề mặt được liên kết với nắp và có phần định vị để định vị đối với nắp.

Trong bao gói đựng tấm theo sáng chế, người sử dụng có thể dễ dàng gắn

nắp vào vật chứa tấm thông qua phần định vị trên phần bề mặt.

Đối với giải pháp trong bao gói đựng tấm theo sáng chế, phần định vị có thể có vùng cho phép mà chỉ ra phạm vi cho phép gây ra lỗi khi liên kết nắp vào phần bề mặt.

Trong bao gói đựng tấm theo khía cạnh này, vùng cho phép chỉ ra phạm vi cho phép lỗi, sao cho người sử dụng có thể định vị nắp đối với phần bề mặt trong đó kiểm tra vùng cho phép lỗi bằng mắt thường.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, phần định vị có thể được tạo ra bằng cách in trên phần bề mặt. Vùng cho phép có thể được tạo ra bởi phần định vị kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang.

Trong bao gói đựng tấm theo khía cạnh này, phạm vi in của phần định vị có thể được xác định làm vùng cho phép. Do đó, ví dụ, khi nắp được gắn vào vật chứa tấm và phần định vị được để lộ ra ngoài hoàn toàn, người sử dụng có thể nhận ra rằng nắp không được định vị thích hợp đối với vật chứa tấm.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, vùng cho phép có thể được tạo ra bởi vùng quy định của phần bề mặt mà bao gồm phần định vị.

Trong bao gói đựng tấm theo khía cạnh này, vùng cho phép được tạo ra không chỉ bởi phần định vị, mà còn bởi vùng ngoại biên của phần định vị, sao cho phần định vị có thể được tạo ra nhỏ tương đối. Do đó, kiểu dáng của vật chứa tấm có thể được cải thiện.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, ba hoặc nhiều phần định vị có thể được tạo ra.

Trong bao gói đựng tấm theo khía cạnh này, nắp có thể được định vị đối với vật chứa tấm tại ba vị trí hoặc nhiều hơn. Do đó, người sử dụng có thể định vị nắp hợp lý hơn và dễ dàng hơn đối với vật chứa tấm.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, phần định vị có thể bao gồm phần định vị thứ nhất được tạo ra trong phần bề mặt và phần định vị thứ hai được tạo ra trong nắp.

Trong bao gói đựng tấm theo khía cạnh này, nắp có thể được định vị đối với vật chứa tấm bằng cách kết hợp phần định vị thứ nhất và phần định vị thứ hai. Do

đó, độ chính xác định vị và kiểu dáng của phần định vị có thể được cải thiện.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, phần định vị thứ nhất và phần định vị thứ hai có thể được nối liên tục với nhau khi nắp được liên kết vào phần bề mặt.

Đối với giải pháp về bao gói đựng tấm theo sáng chế, phần định vị thứ nhất và phần định vị thứ hai có thể tạo ra hình dạng quy định khi nắp được liên kết vào phần bề mặt.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình vẽ giải thích về bao gói đựng tấm theo kết cấu cơ bản của sáng chế.

Fig.2 là hình chiếu bằng của nắp theo kết cấu cơ bản của sáng chế.

Fig.3 là hình vẽ giải thích thể hiện kết cấu của lỗ mở của nền.

Fig.4 là hình vẽ mặt cắt được lấy dọc theo đường I-I trên Fig.2.

Fig.5 là hình vẽ giải thích thể hiện hoạt động của nắp được thể hiện trên Fig.4.

Fig.6 là hình vẽ mặt cắt được lấy dọc theo đường II-II trên Fig.2

Fig.7 là hình chiếu bằng của vật chứa theo phương án thứ nhất của sáng chế.

Fig.8 là hình vẽ giải thích thể hiện bao gói đựng tấm theo phương án thứ nhất của sáng chế.

Fig.9 là hình vẽ giải thích thể hiện hoạt động của bao gói đựng tấm được thể hiện trên Fig.8.

Fig.10 là hình vẽ giải thích thể hiện hoạt động của bao gói đựng tấm được thể hiện trên Fig.8.

Fig.11 là hình vẽ giải thích thể hiện bao gói đựng tấm theo phương án thứ hai của sáng chế.

Fig.12 là hình vẽ giải thích thể hiện hoạt động của bao gói đựng tấm được thể hiện trên Fig.11.

Fig.13 là hình vẽ giải thích thể hiện bao gói đựng tấm theo phương án thứ

ba của sáng chế.

Fig.14 là hình vẽ giải thích thể hiện hoạt động của bao gói đựng tấm được thể hiện trên Fig.13.

Fig.15 là hình vẽ giải thích thể hiện bao gói đựng tấm theo phương án thứ tư của sáng chế.

Mô tả chi tiết sáng chế

(Kết cấu cơ bản của bao gói đựng tấm)

Kết cấu cơ bản của bao gói đựng tấm A100 theo sáng chế được giải thích bằng cách tham chiếu từ Fig.1 đến Fig. 6. Như được thể hiện trên Fig.1, bao gói đựng tấm A100 bao gồm vật chứa C100 và nắp B100. Nắp B100 được liên kết theo cách có thể tháo được vào vật chứa C100. Do đó, ví dụ, khi tất cả các tấm E100 được đựng trong vật chứa C100 được sử dụng hết, nắp có thể được tách ra khỏi vật chứa C100 và có thể được gắn vào vật chứa C100 mới.

Bao gói đựng tấm A100, nắp B100 và vật chứa C100 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “bao gói đựng tấm”, “nắp” và “vật chứa tấm”, theo sáng chế này.

Như được thể hiện trên Fig.1, vật chứa C100 có phần đựng C400 dùng để đựng tấm E100. Tấm E100 và phần đựng C400 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “tấm” và “phần đựng”, theo sáng chế này. Ngoài ra, lỗ mở của vật chứa C300 mà thông qua đó tấm E100 được lấy ra được tạo ra trong phần bề mặt C210 của vật chứa C100. Lỗ mở của vật chứa C300 là phương án mẫu mà tương ứng với “lỗ mở của vật chứa” theo sáng chế này.

Tấm E100 ẩm. Cụ thể là, tấm E100 bao gồm giấy lụa kiểu tấm được làm từ vật liệu dạng sợi và các loại khác nhau của giấy lụa ướt được làm từ vải không dệt được ngâm tẩm với chất lỏng như chất y khoa, kem dưỡng da và cồn. Nhiều tấm E100 được xếp chồng theo lớp, mà được không được thể hiện trên Fig.1 để cho thuận tiện. Tại thời điểm này, tấm E100 được gấp sao cho các đầu của các tấm liền kề E100 được xếp chồng lên nhau, sao cho, khi tấm E100 được lấy ra khỏi vật chứa C100, đầu của tấm tiếp theo E100 được để lộ ra ngoài.

Như được thể hiện trên Fig.1, vật chứa C100 có phần vỏ ngoài dẻo C200

được tạo ra từ màng. Màng này là loại mà có thể được liên kết nóng chảy bằng cách gia nhiệt hoặc được bít kín bằng nhiệt (mà được gọi là “màng bít kín bằng nhiệt”). Như màng bít kín bằng nhiệt, ví dụ, màng nhiều lớp mỏng được sử dụng mà bao gồm lớp bảo vệ được làm từ nhựa polyetylen terephthalat (PET), lớp giữ ẩm (lớp ngăn khô) được làm từ nhôm, và lớp bít kín nhờ nhiệt được làm từ nhựa polypropylen được định hướng hai chiều. Màng được cách ẩm sao cho chất lỏng được ngâm tẩm trong tấm E100 không dễ dàng bay hơi qua phần vỏ ngoài C200. Vùng của vật chứa C100 mà trong đó màng được bít kín bằng nhiệt tạo ra phần bít kín C220.

Vật chứa C100 kéo dài theo hướng dọc C100y, hướng ngang C100x ngang qua hướng dọc C100y và hướng chiều dày C100z ngang qua cả hai hướng dọc C100y và hướng ngang C100x. Hướng dọc C100y và hướng ngang C100x là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “hướng dọc” và “hướng ngang”, theo sáng chế này.

Nắp kéo dài theo hướng dọc B100y, hướng ngang B100x ngang qua hướng dọc B100y và hướng chiều dày B100z ngang qua cả hai hướng dọc B100y và hướng ngang B100x.

Khi vật chứa C100 hoặc nắp B100 có dạng hình vuông và hình tròn, hướng dọc (C100y, B100y) được đặt tùy ý.

Tốt hơn là nắp B100 được tạo ra bằng cách đúc phun ép hoặc đúc chân không để đảm bảo độ kín khí. Trong trường hợp đúc phun ép, polyetylen hoặc polypropylen được sử dụng thích hợp. Trong trường hợp đúc chân không, polyetylen, polypropylen hoặc polyetylen terephthalat (A-PET) vô định hình được sử dụng thích hợp.

Nắp B100 có vùng kết dính B500 để liên kết nắp B100 vào vật chứa C100.

Kết cấu của nắp B100 liên quan đến kết cấu cơ bản của bao gói đựng tấm A100 được mô tả với sự tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.2 đến Fig.6. Fig.2 là hình chiếu bằng của nắp B100. Nắp B100 có nền B200, lỗ mở của nền B300 được tạo ra trong nền B200, và phần che B400 có khả năng che lỗ mở của nền B300. Fig.2 thể hiện trạng thái mà trong đó lỗ mở của nền B300 được che bằng phần che B400. Kết cấu của lỗ mở của nền B300 được mô tả dưới đây.

Như được thể hiện trên Fig.2 và Fig.4, nền B200 có bề mặt nền thứ nhất B210 và bề mặt nền thứ hai B220 ở trên phía đối diện với bề mặt nền thứ nhất B210. Phần che B400 được tạo kết cấu để che trên bề mặt nền thứ nhất B210 và lỗ mở của nền B300.

Fig.3 là hình vẽ giải thích mà trong đó phần che B400 được thể hiện trên Fig.2 được bỏ qua. Lỗ mở của nền B300 được tạo ra trong vùng giữa của nền B200 sao cho tấm E100 được chuyển qua lỗ mở của nền B300 khi được lấy ra ngoài qua lỗ mở của vật chứa C300. Phần rãnh B310 được tạo ra kéo dài từ phần mép của lỗ mở của nền B300 theo hướng đi vào trong của lỗ mở của nền B300. Phần rãnh B310 được tạo kết cấu để đặt lực ma sát định mức lên tấm E100 khi tấm E100 đi qua lỗ mở của nền B300.

Nền B200 có vùng thứ nhất B211 bao gồm lỗ mở của nền B300 và vùng thứ hai B212 không bao gồm vùng thứ nhất B211.

Fig.4 là hình vẽ mặt cắt được lấy dọc theo đường I-I trên Fig.2. Fig.6 là hình vẽ mặt cắt được lấy dọc theo đường II-II trên Fig.2. Như được thể hiện trên Fig.4 và Fig.6, phần ăn khớp thứ nhất B230 được tạo ra trên nền B200. Theo phương án này, phần ăn khớp thứ nhất B230 được tạo ra trong vùng nhô từ vùng thứ nhất và thứ hai B211, B212. Phần ăn khớp thứ nhất B230 được tạo kết cấu ăn khớp với phần ăn khớp thứ hai B430 mà được tạo ra trong vùng mép ngoại biên của phần che B400. Cụ thể là, khi phần ăn khớp thứ nhất B230 và phần ăn khớp thứ hai B430 ăn khớp với nhau, phần che B400 che lỗ mở của nền B300. Trạng thái này được gọi là trạng thái “đóng” của nắp B100. Ngược lại, khi phần ăn khớp thứ nhất B230 và phần ăn khớp thứ hai B430 được tách rời khỏi nhau, phần che B400 không còn che lỗ mở của nền B300. Trạng thái này được gọi là trạng thái “mở” của nắp B100. Fig.4 và Fig.6 thể hiện trạng thái “đóng” của nắp B100, và Fig.5 thể hiện trạng thái “mở” của nắp B100.

Bằng cách đóng nắp B100, người sử dụng có thể ngăn tấm E100 khỏi khô. Ngoài ra, bằng cách mở nắp B100, người sử dụng có thể lấy tấm E100 ra khỏi phần đựng C400 được thể hiện trên Fig.1 qua lỗ mở của vật chứa C300 và lỗ mở của nền B300.

Bề mặt của phần che B400 mà đối diện với lỗ mở của nền B300 ở trạng thái

“đóng” của nắp B100 được gọi là bề mặt che thứ nhất B410. Bề mặt của phần che B400 về phía đối diện với bề mặt che thứ nhất B410 được gọi là bề mặt che thứ hai B420.

Như được thể hiện trên Fig.4 và Fig.5, phần mở nắp B450 được giữ bởi người sử dụng được tạo ra ở một phía của phần ăn khớp thứ hai B430. Phần bản lề B440 được tạo ra về phía còn lại của phần ăn khớp thứ hai B430 đối diện với phần mở nắp B450 và nối phần ăn khớp thứ hai B430 và nền B200.

Ngoài ra, vùng kết dính B500 được tạo ra trên bề mặt nền thứ hai B220 và được liên kết theo cách có thể tháo được vào phần bề mặt C210 của vật chứa C100. Do đó, nắp B100 được gắn theo cách có thể tháo được vào vật chứa C100. Vùng kết dính B500 được tạo ra bằng cách sắp xếp phần kết dính B510 trong vùng quy định của bề mặt nền thứ hai B220. Phần kết dính B510 được làm bằng uretan, styren hoặc chất đàn hồi acrylic. Phần kết dính này đủ cho vùng kết dính B500 được tạo kết cấu sao cho bề mặt nền thứ hai B220 được gắn theo cách có thể tháo được vào phần bề mặt C210 của vật chứa C100. Cụ thể là, phần kết dính B510 có thể không được bố trí trên bề mặt nền thứ hai B220, mà ở trên vùng ngoại biên của lỗ mở của vật chứa C300.

Phương án thứ nhất

Vật chứa tấm và bao gói đựng tấm theo phương án thứ nhất của sáng chế được mô tả với sự tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.7 đến Fig.10. Nắp B100 theo phương án thứ nhất có kết cấu giống như kết cấu của kết cấu cơ bản được mô tả ở trên, và do đó phần mô tả của nó được bỏ qua.

Vật chứa C100 theo phương án thứ nhất có phần định vị D100 được tạo ra trên phần bề mặt C210 của vật chứa C100. Phần định vị D100 chỉ ra vị trí thích hợp để gắn nắp B100 vào vật chứa C100. Phần định vị D100 được tạo ra bằng cách in trên phần bề mặt C210. Phần định vị D100 là phương án mẫu mà tương ứng với “phần định vị” theo sáng chế này.

Các phần định vị D100 có thể được tạo ra với số lượng tùy ý, nhưng tốt hơn là tạo ra nhiều phần định vị D100. Cụ thể là, khi xem xét sự định vị theo hướng dọc C100y và hướng ngang C100x, tốt hơn là tạo ra ba phần định vị D100 hoặc nhiều hơn.

Phần định vị D100 có vùng cho phép D110 mà chỉ ra phạm vi cho phép gây ra lỗi khi liên kết nắp B100 vào phần bề mặt C210. Trong vật chứa C100 của phương án thứ nhất, vùng cho phép D110 được xác định bởi phạm vi in của phần định vị D100. Cụ thể là, phần định vị D100 kéo dài theo hướng dọc C100y và hướng ngang C100x. Vùng in này kéo dài theo hướng dọc C100y và hướng ngang C100x xác định vùng cho phép D110. Vùng cho phép D110 là phương án mẫu mà tương ứng với “vùng cho phép” theo sáng chế này.

Hoạt động của vùng cho phép D110 theo phương án thứ nhất được mô tả với sự tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.8 đến Fig.10. Fig.8 thể hiện trạng thái mà trong đó nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100. Trong trường hợp này, tất cả các vùng của vùng cho phép D110 được che hoàn toàn bằng nắp B100. Do đó, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra rằng nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100.

Người sử dụng có thể dễ dàng gắn nắp B100 vào vật chứa C100, trong khi kiểm tra các phần định vị D100 bằng mắt thường.

Fig.9 thể hiện trạng thái mà trong đó các phần định vị D100 được để lộ ra một phần khi nắp B100 được gắn vào vật chứa C100. Trong trường hợp này, vùng của phần định vị D100 được để lộ ra khỏi nắp B100 chỉ là một phần của vùng cho phép D110. Trong trường hợp được thể hiện trên Fig.9, vùng cho phép D110 là “phạm vi cho phép của vị trí thích hợp để gắn”. Do đó, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra rằng nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp đối với vật chứa C100.

Fig.10 thể hiện trạng thái mà trong đó một trong số phần định vị D100 được để lộ ra hoàn toàn khi nắp B100 được gắn vào vật chứa C100. Phần định vị bên trái phía dưới D100 trên Fig.10 là “phần định vị được để lộ ra hoàn toàn D100”.

Trong trường hợp này, sự có mặt của phần định vị được để lộ ra hoàn toàn D100 chỉ ra rằng nắp B100 không được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100. Do đó, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra rằng người sử dụng cần phải tách nắp B100 ra khỏi vật chứa C100 và cố gắng gắn nó tại vị trí thích hợp lại lần nữa.

Với kết cấu này, theo phương án thứ nhất, người sử dụng có thể dễ dàng định vị nắp B100 đối với vật chứa C100. Ngoài ra, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra thực tế khi nắp B100 không được định vị thích hợp đối với vật chứa C100.

Phương án thứ hai

Vật chứa tấm và bao gói đựng tấm theo phương án thứ hai của sáng chế sẽ được mô tả với sự tham chiếu đến các Fig.11 và Fig.12. Nắp B100 theo phương án thứ hai có kết cấu giống như kết cấu cơ bản được mô tả ở trên, và do đó phần mô tả của nó được bỏ qua

Phương án thứ hai khác với phương án thứ nhất về kết cấu của phần định vị D100. Cụ thể là, vùng cho phép D110 của phương án thứ nhất được tạo ra chỉ bởi phần định vị D100, nhưng vùng cho phép D110 của phương án thứ hai được tạo ra bởi vùng quy định của phần bề mặt C210 bao gồm phần định vị D100.

Fig.11 thể hiện trạng thái mà trong đó nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100. Trong trường hợp này, tất cả các vùng của các phần định vị D100 được che hoàn toàn bằng nắp B100. Do đó, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra rằng nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100.

Người sử dụng có thể dễ dàng gắn nắp B100 vào vật chứa C100, trong khi kiểm tra các phần định vị D100 bằng mắt thường.

Trên Fig.11, phần định vị D100 được tạo ra tại khoảng cách quy định từ mép của nắp B100. Theo phương án thứ hai, vùng cho phép D110 được tạo ra bởi “vùng của phần bề mặt C210 giữa mép của nắp B100 và phần định vị D100 ở trạng thái mà trong đó nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100” và “vùng mà trong đó phần định vị D100 được tạo ra”.

Fig.12 thể hiện trạng thái mà trong đó nắp B100 được đặt ở vị trí thấp hơn so với nắp B100 được thể hiện trên Fig.11. Tuy nhiên, ngay cả khi ở trạng thái này, không có phần định vị D100 nào được để lộ ra. Do đó, trên Fig.12, người sử dụng có thể nhận ra rằng nắp B100 được định vị thích hợp đối với vật chứa C100.

Cụ thể là, theo phương án thứ hai, tương tự theo phương án thứ nhất, người sử dụng có thể dễ dàng định vị nắp B100 đối với vật chứa C100 thông qua các phần định vị D100. Ngoài ra, khi nắp B100 không được bố trí thích hợp đối với vật chứa C100, người sử dụng có thể dễ dàng nhận ra thực tế thông qua các phần định vị D100.

Ngoài ra, theo phương án thứ hai, vùng quy định của phần bề mặt C210 của

vật chứa C100 bao gồm phần định vị D100 được xác định làm vùng cho phép D110. Cụ thể là, diện tích của phần định vị D100 theo phương án thứ hai có thể được tạo ra nhỏ hơn so với diện tích của phần định vị theo phương án thứ nhất. Do đó, phần định vị D100 theo phương án thứ hai có thể được thiết kế nhỏ hơn so với phần định vị theo phương án thứ nhất, và do đó có thể được tăng cường về hình dạng bên ngoài.

Phương án thứ ba

Vật chứa tám và bao gói đựng tám theo phương án thứ ba của sáng chế được mô tả với sự tham chiếu đến Fig.13 và Fig.14. Nắp B100 theo phương án thứ ba có kết cấu giống như kết cấu cơ bản được mô tả ở trên, và do đó phần mô tả của nó được bỏ qua.

Phương án thứ ba khác với phương án thứ nhất về kết cấu của phần định vị D100. Cụ thể là, khi nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100, theo phương án thứ nhất, các phần định vị D100 được che bởi nắp B100, trong khi theo phương án thứ ba, như được thể hiện trên Fig.13, tất cả các phần định vị D100 được để lộ ra hoàn toàn. Nói theo cách khác, theo phương án thứ ba, vùng được bao quanh bởi các phần định vị D100 xác định vị trí thích hợp của nắp B100.

Tương tự theo phương án thứ nhất, theo phương án thứ ba, vùng cho phép D110 của phần định vị D100 được xác định bởi phạm vi in của phần định vị D100. Fig.14 thể hiện trạng thái mà trong đó nắp B100 được gắn tại vị trí khác so với vị trí được thể hiện trên Fig.13. Trong trường hợp này, phần định vị bên trái D100 và phần định vị phía dưới D100 trên Fig.14 được để lộ ra một phần và được che một phần bằng nắp B100. Từ thực tế là các phần định vị D100 được để lộ ra một phần, người sử dụng có thể nhận ra rằng nắp B100 được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100. Mặt khác, khi ít nhất một trong số các phần định vị D100 được che hoàn toàn bằng nắp B100, nghĩa là nắp B100 không được gắn tại vị trí thích hợp vào vật chứa C100.

Theo phương án thứ ba, người sử dụng có thể dễ dàng gắn nắp B100 vào vật chứa C100, trong khi kiểm tra các phần định vị D100 bằng mắt thường.

Phương án thứ tư

Vật chứa tấm và bao gói đựng tấm theo phương án thứ tư của sáng chế sẽ được mô tả với sự tham chiếu đến Fig.15.

Phương án thứ tư khác với phương án thứ nhất về kết cấu của phần định vị D100. Cụ thể là, theo phương án thứ tư, phần định vị D100 bao gồm phần định vị thứ nhất C500 được tạo ra trong phần bề mặt C210 của vật chứa C100, và phần định vị thứ hai B600 được tạo ra trong vùng thứ hai B212 của nắp B100. Phần định vị thứ nhất C500 và phần định vị thứ hai B600 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “phần định vị thứ nhất” và “phần định vị thứ hai”, theo sáng chế này.

Các phần định vị thứ nhất và thứ hai C500, B600 được tạo ra bằng cách in.

Như được thể hiện trên Fig.15, phần định vị D100 được tạo kết cấu sao cho phần định vị thứ nhất C500 và phần định vị thứ hai B600 được nối liên tục với nhau khi nắp B100 được định vị thích hợp đối với phần bề mặt C210. Hơn nữa, phần định vị D100 được tạo kết cấu sao cho phần định vị thứ nhất C500 và phần định vị thứ hai B600 tạo ra hình dạng quy định khi nắp B100 được định vị thích hợp đối với phần bề mặt C210. Như ví dụ về hình dạng quy định này, dạng hình trái tim được thể hiện trên Fig.15.

Với kết cấu này, theo phương án thứ tư, người sử dụng có thể dễ dàng gắn nắp B100 vào vật chứa C100, trong khi kiểm tra phần định vị thứ nhất C500 và phần định vị thứ hai B600 bằng mắt thường.

Vật chứa tấm và bao gói đựng tấm theo sáng chế không bị giới hạn ở các kết cấu được mô tả theo phương án được mô tả nêu trên, nhưng đúng hơn, có thể được thay đổi hoặc được cải biến. Ngoài ra, kết cấu của các phương án này có thể được sử dụng kết hợp.

(Sự tương ứng giữa các dấu hiệu của các phương án và dấu hiệu của sáng chế)

Bao gói đựng tấm A100, nắp B100 và vật chứa C100 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “bao gói đựng tấm”, “nắp” và “vật chứa tấm”, theo sáng chế này. Tấm E100 và phần đựng C400 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “tấm” và “phần đựng”, theo sáng chế này. Lỗ mở của vật chứa C300 là

phương án mẫu mà tương ứng với “lỗ mở của vật chứa” theo sáng chế này. Hướng dọc C100y và hướng ngang C100x là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “hướng dọc” và “hướng ngang”, theo sáng chế này. Phần định vị D100 là phương án mẫu mà tương ứng với “phần định vị” theo sáng chế này. Vùng cho phép D110 là phương án mẫu mà tương ứng với “vùng cho phép” theo sáng chế này. Phần định vị thứ nhất C500 và phần định vị thứ hai B600 là các phương án mẫu mà lần lượt tương ứng với “phần định vị thứ nhất” và “phần định vị thứ hai”, theo sáng chế này.

Hiệu quả có lợi của sáng chế

Theo sáng chế, kỹ thuật tạo kết cấu hợp lý hơn được đề xuất liên quan đến vật chứa tấm mà nắp được liên kết và liên quan đến bao gói đựng tấm có nắp và vật chứa tấm.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Vật chứa tấm, mà nắp được liên kết vào vật chứa này bởi người sử dụng và đựng tấm, trong đó:

vật chứa tấm kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang giao nhau với hướng dọc, và bao gồm phần đựng để đựng tấm, lỗ mở của vật chứa mà thông qua lỗ mở này tấm được lấy ra khỏi phần đựng, và phần bề mặt nơi mà lỗ mở của vật chứa được tạo ra, và

phần bề mặt có phần định vị để định vị đối với nắp,

trong đó phần định vị bao gồm vùng cho phép chỉ ra phạm vi cho phép gây ra lỗi khi liên kết nắp vào phần bề mặt.

2. Vật chứa tấm theo điểm 1, trong đó:

phần định vị được tạo ra bằng cách in trên phần bề mặt, và

vùng cho phép chứa phần định vị kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang.

3. Vật chứa tấm theo điểm 1 hoặc 2, trong đó vùng cho phép bao gồm vùng quy định của phần bề mặt mà bao gồm phần định vị.

4. Vật chứa tấm theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3, trong đó ba hoặc nhiều phần định vị được bố trí.

5. Vật chứa tấm theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, trong đó nắp bao gồm nền có lỗ mở của nền, phần che có khả năng che lỗ mở của nền và phần bản lề liên tục kết nối nền và phần che.

6. Bao gói đựng tấm, có nắp và vật chứa tấm mà nắp được liên kết vào vật chứa này và đựng tấm, trong đó:

vật chứa tấm kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang giao nhau với hướng dọc, và bao gồm phần đựng để đựng tấm, lỗ mở của vật chứa mà thông qua lỗ mở này tấm được lấy ra khỏi phần đựng, và phần bề mặt nơi mà lỗ mở của vật chứa được tạo ra, và

phần bề mặt được liên kết với nắp và có phần định vị để định vị đối với nắp,

trong đó phần định vị bao gồm vùng cho phép chỉ ra phạm vi cho phép lỗi

khi nắp được liên kết vào phần bề mặt.

7. Bao gói đựng tám theo điểm 6, trong đó:
phần định vị được tạo ra bằng cách in lên phần bề mặt, và
vùng cho phép bao gồm phần định vị kéo dài theo hướng dọc và hướng ngang.
8. Bao gói đựng tám theo điểm 6 hoặc 7, trong đó vùng cho phép bao gồm vùng quy định của phần bề mặt mà bao gồm phần định vị.
9. Bao gói đựng tám theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 6 đến 8, trong đó ba hoặc nhiều phần định vị được bố trí.
10. Bao gói đựng tám theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 6 đến 9, trong đó phần định vị bao gồm phần định vị thứ nhất được tạo ra trong phần bề mặt và phần định vị thứ hai được tạo ra trong nắp.
11. Bao gói đựng tám theo điểm 10, trong đó phần định vị thứ nhất và phần định vị thứ hai được nối liên tục với nhau khi nắp được liên kết vào phần bề mặt.
12. Bao gói đựng tám theo điểm 10 hoặc 11, trong đó phần định vị thứ nhất và phần định vị thứ hai tạo ra hình dạng quy định khi nắp được liên kết vào phần bề mặt.
13. Bao gói đựng tám theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 6 đến 12, trong đó nắp bao gồm nền có lỗ mở của nền, phần che có khả năng che lỗ mở của nền và phần khớp nối kết nối liên tục nền và phần che.

FIG. 1

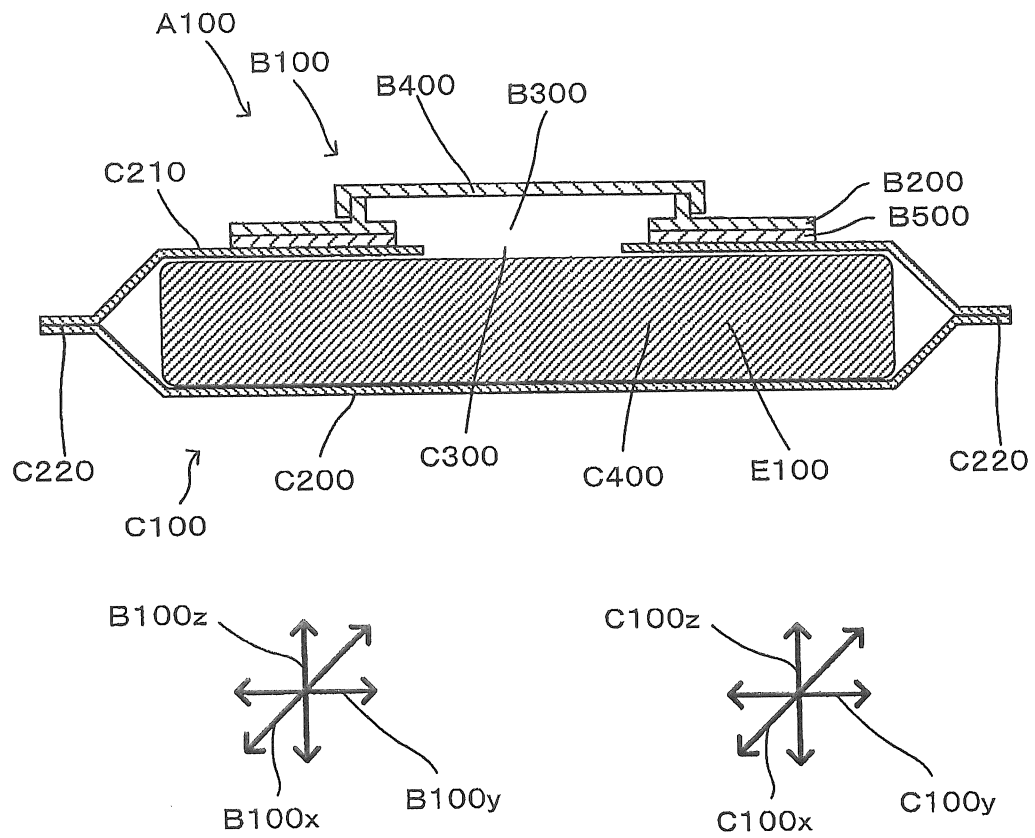


FIG. 2

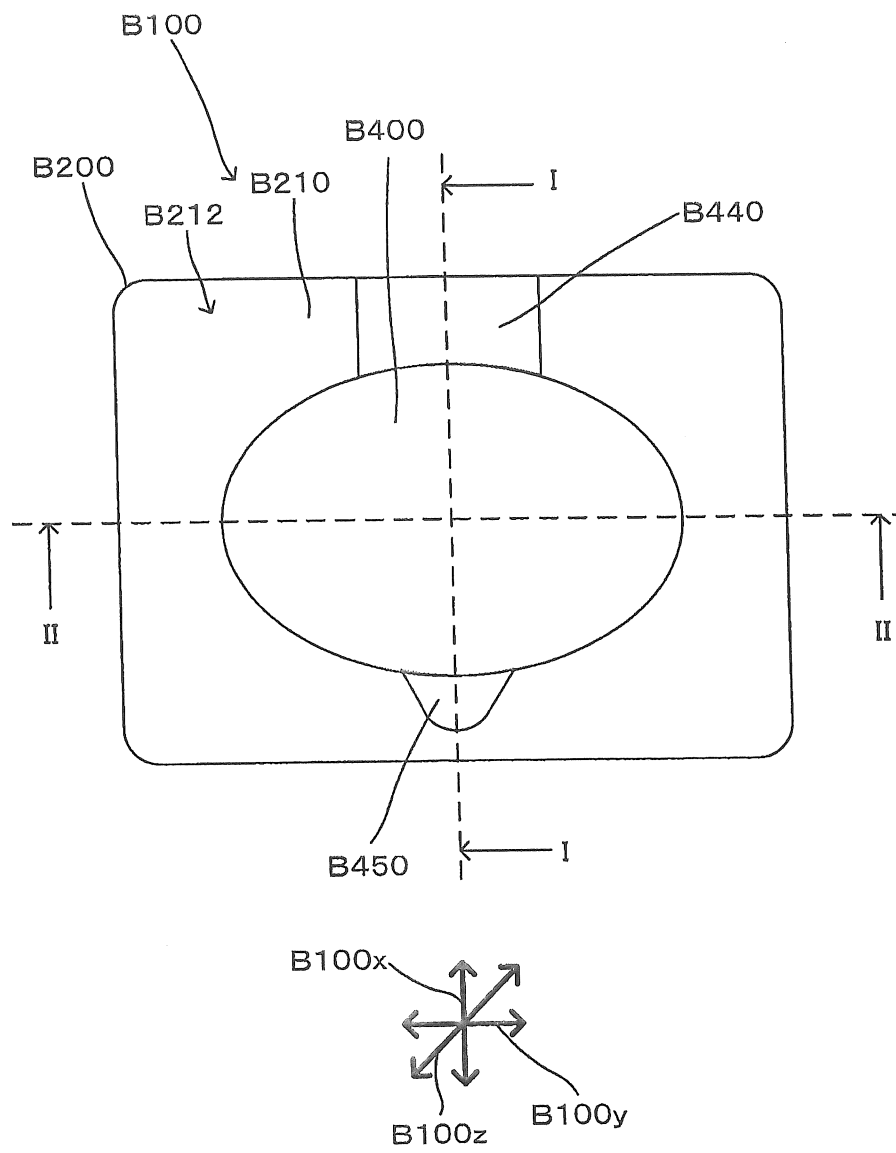


FIG. 3

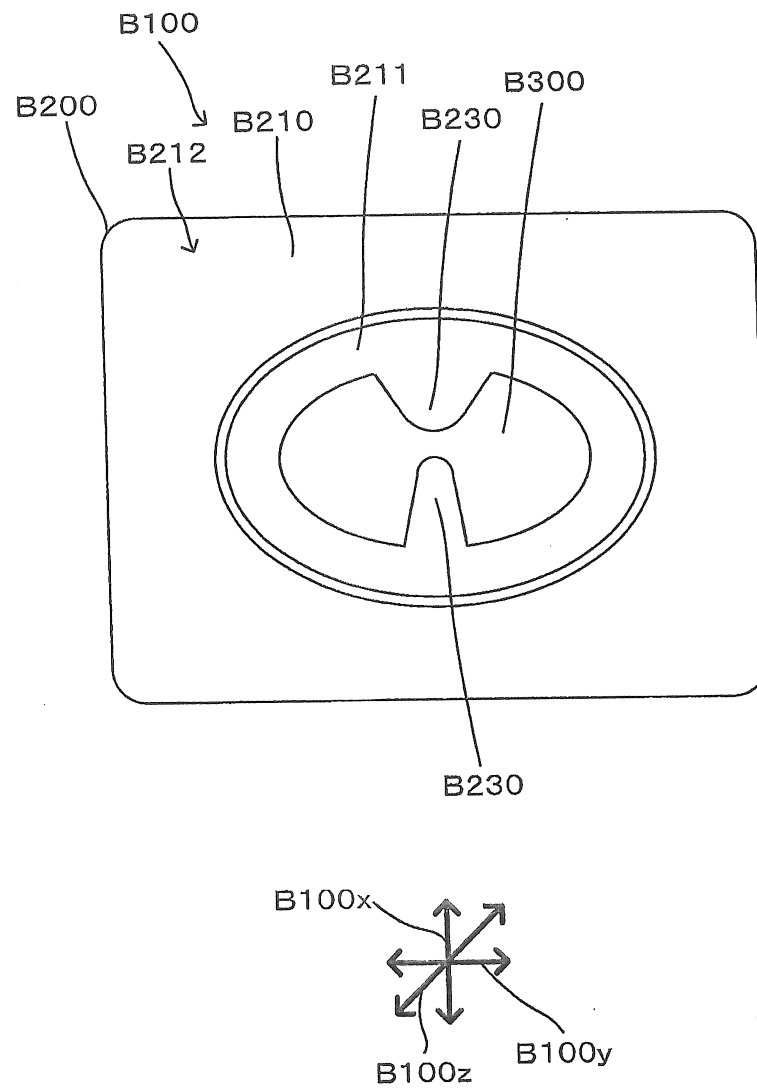


FIG. 4

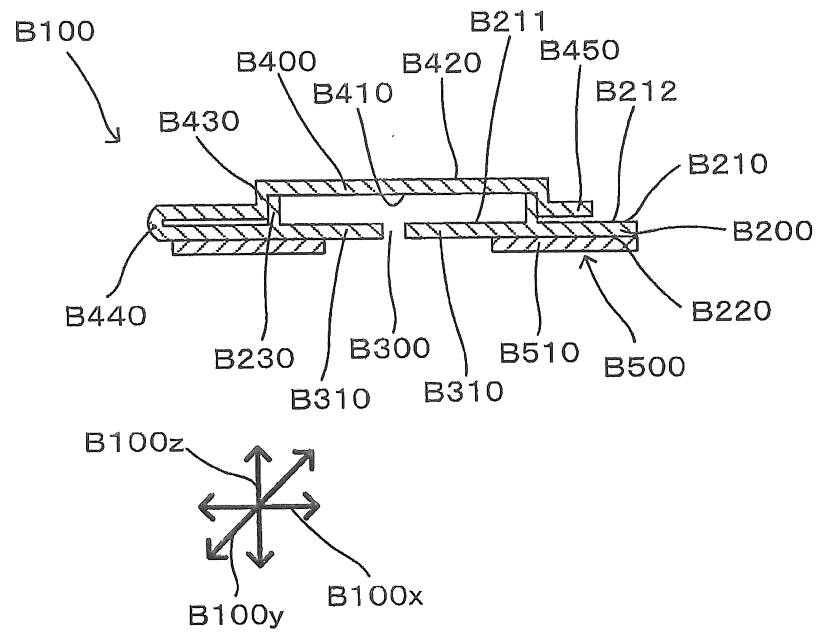


FIG. 5

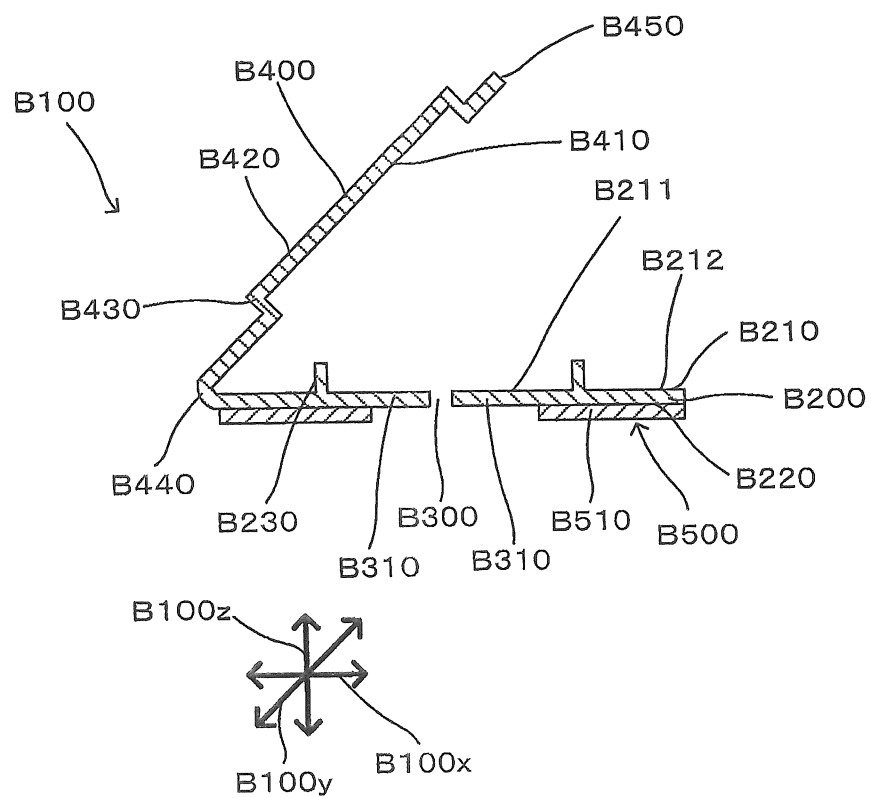


FIG. 6

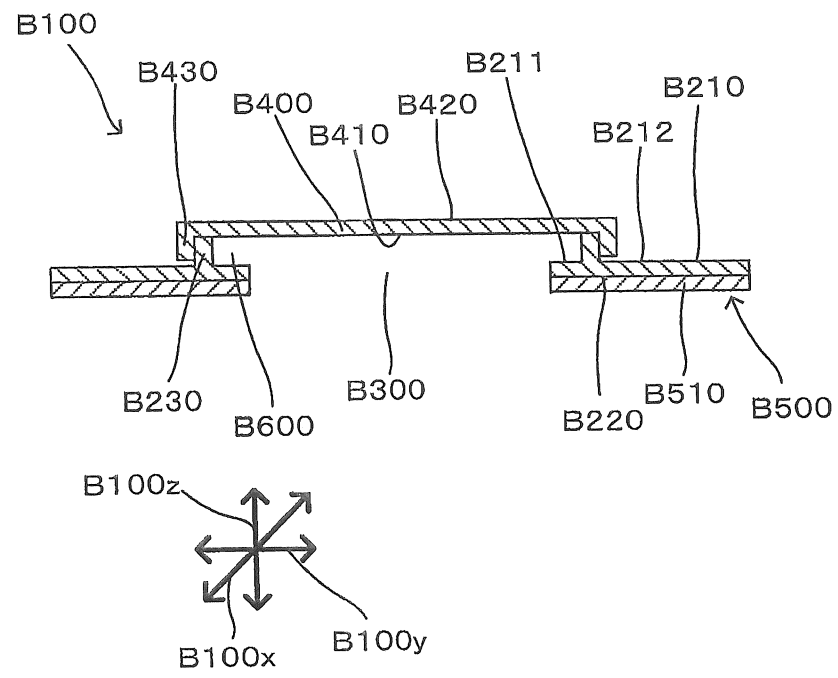


FIG. 7

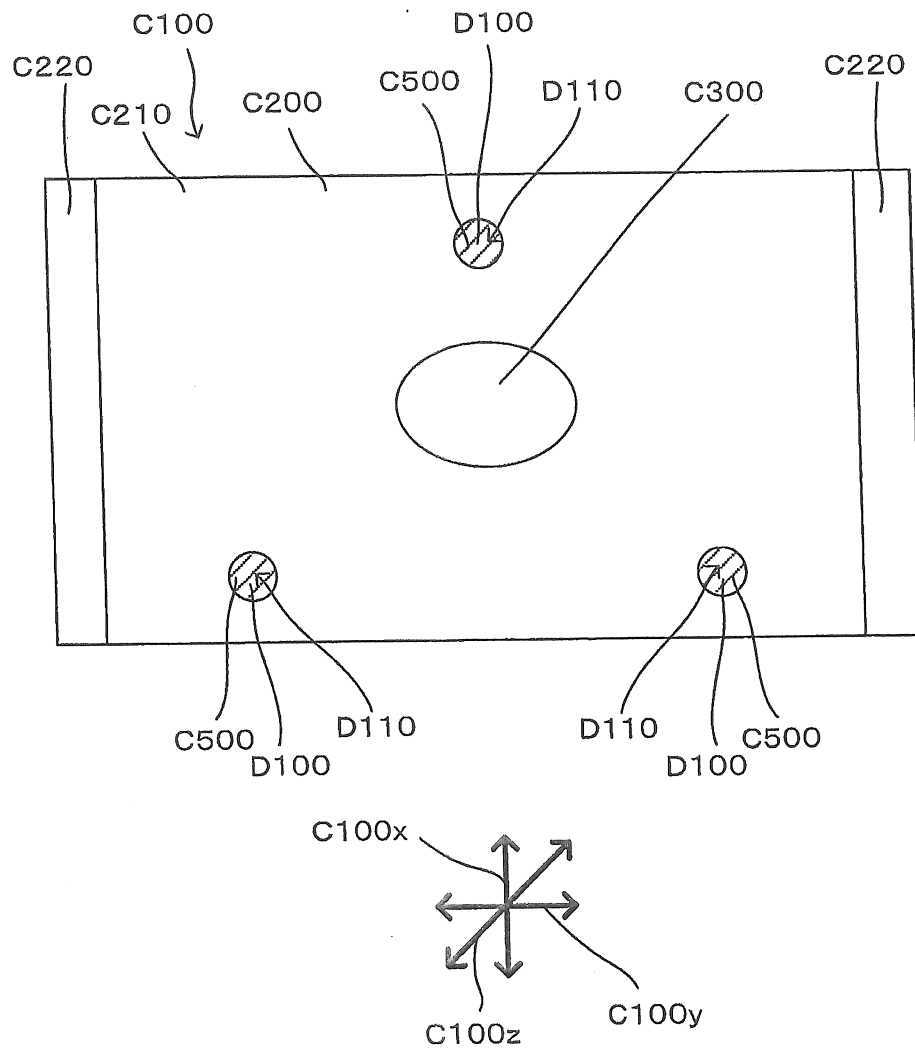


FIG. 8

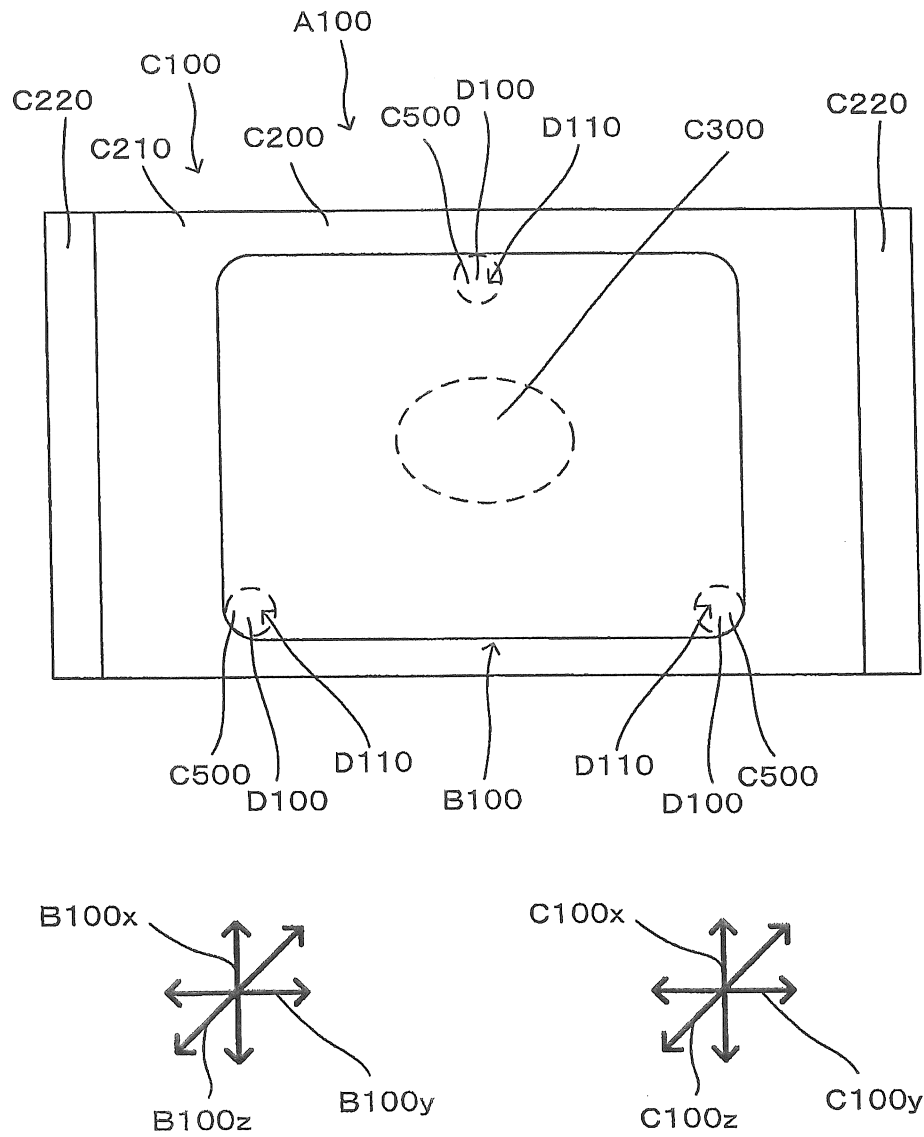


FIG. 9

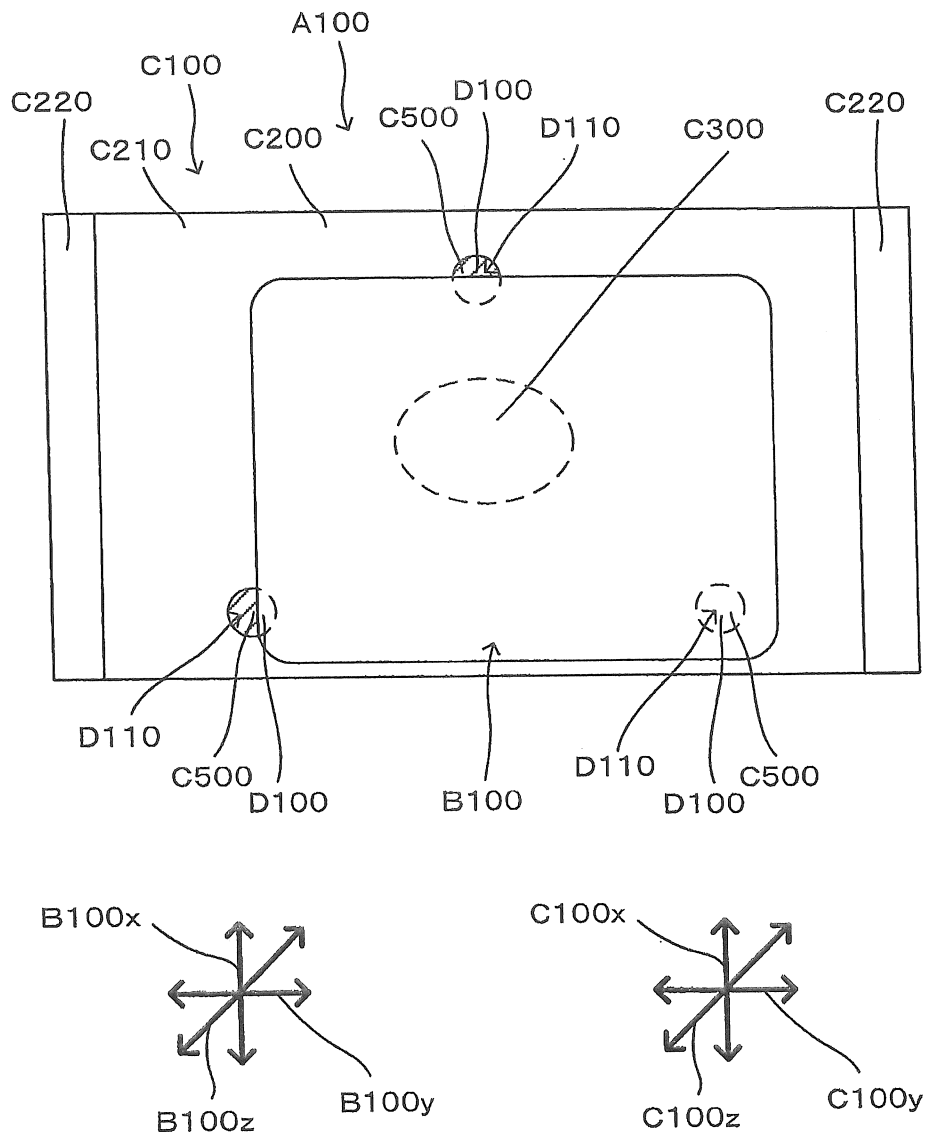


FIG. 10

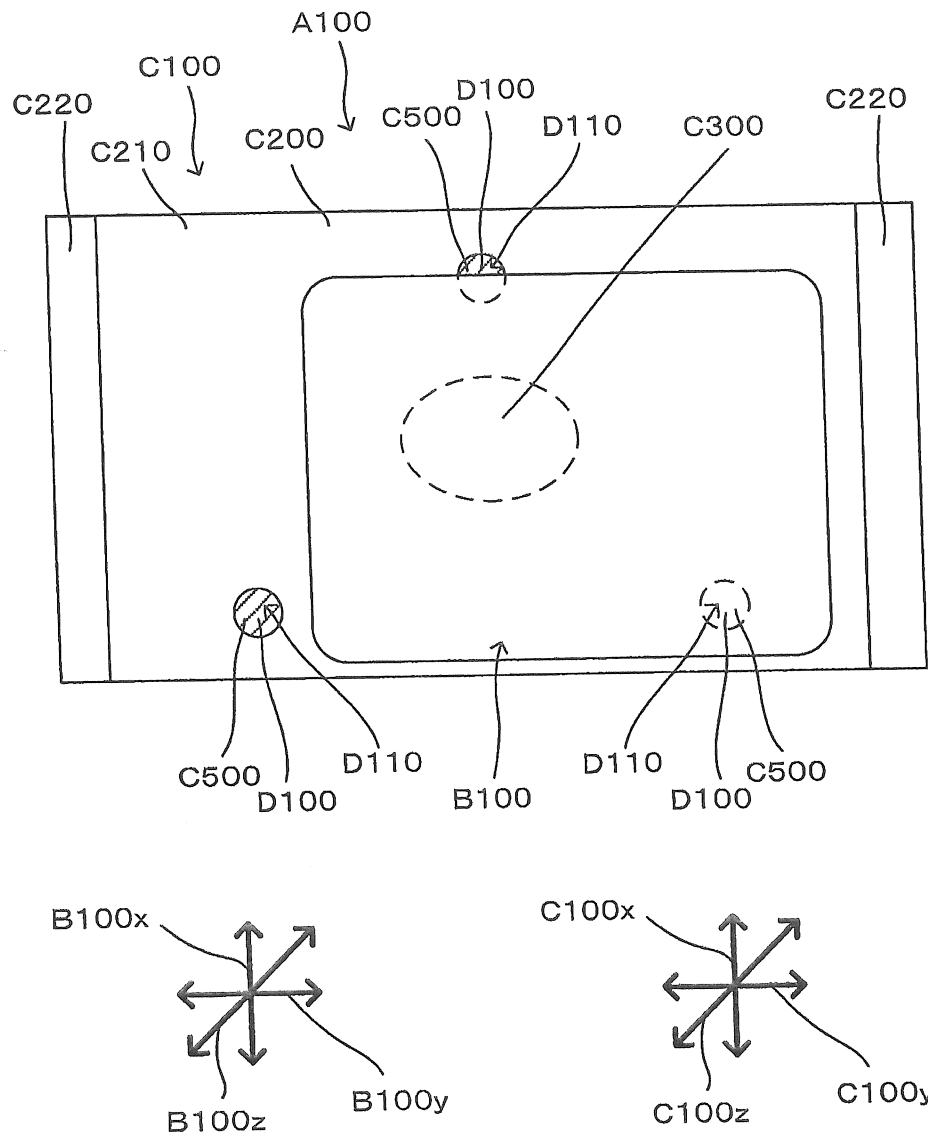


FIG. 11

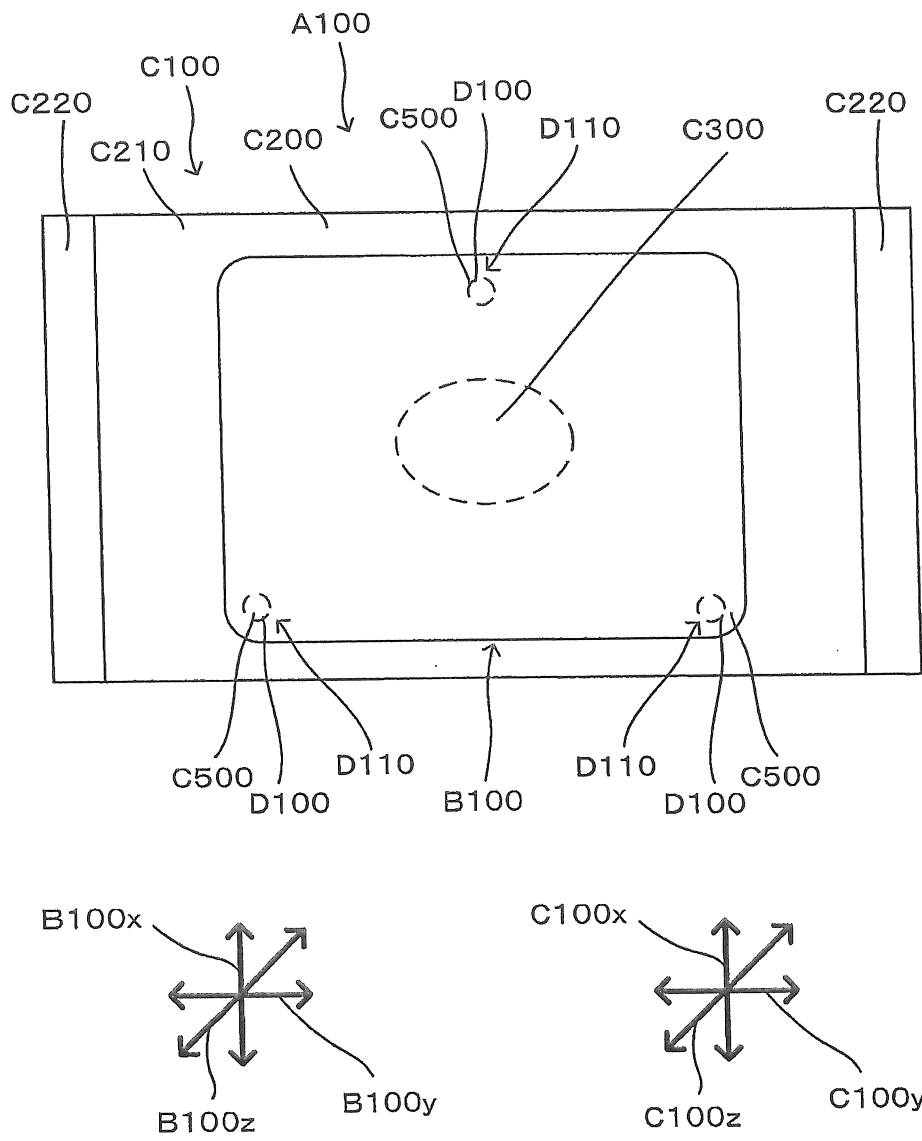


FIG. 12

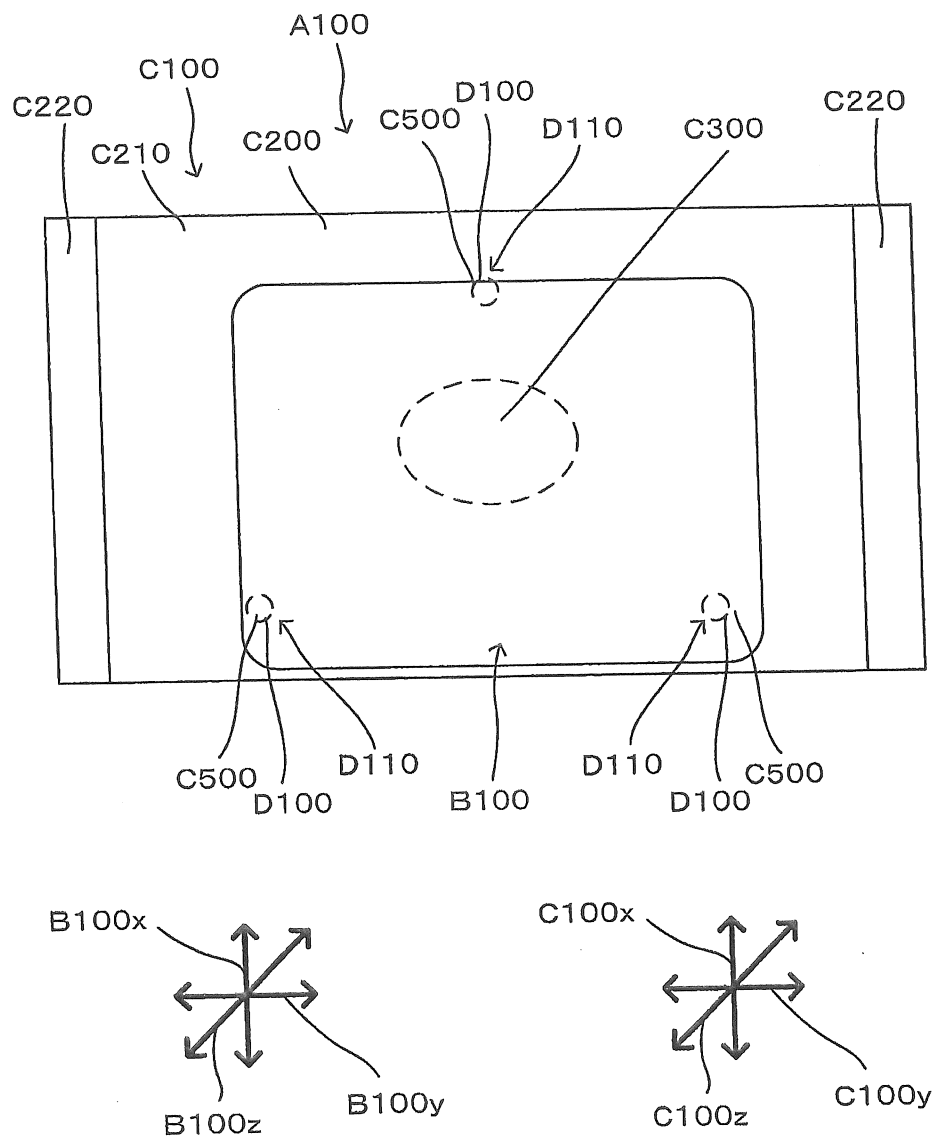


FIG. 13

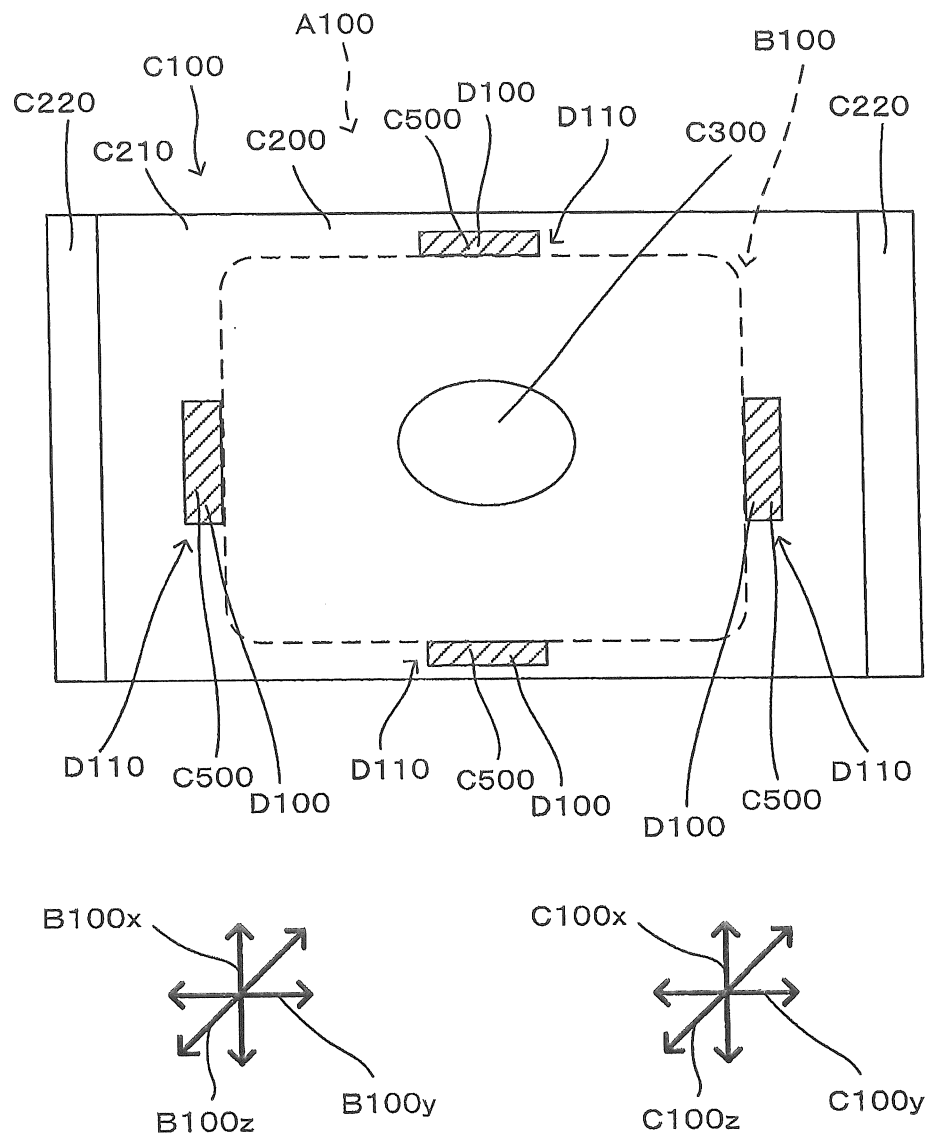


FIG. 14

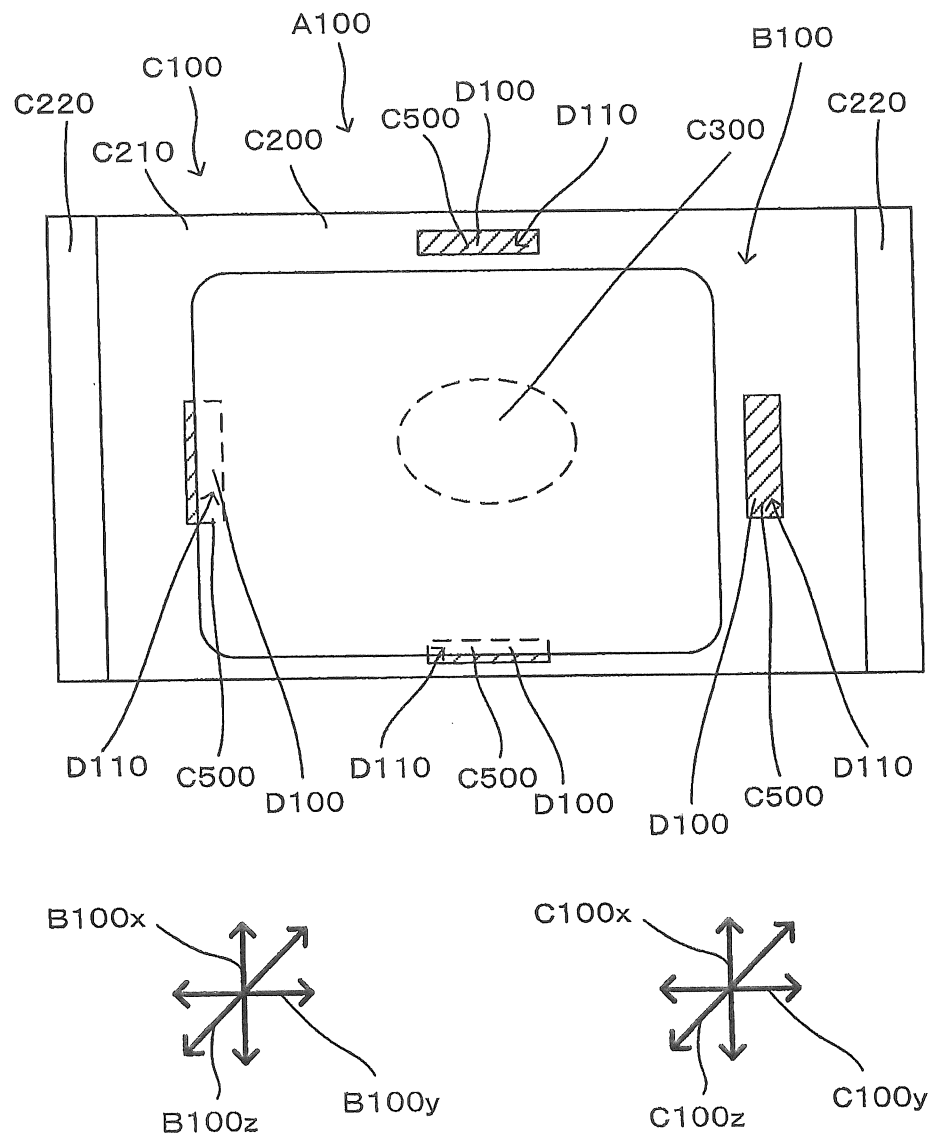


FIG. 15

